

Số: 3401/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công**  
**nguồn ngân sách địa phương năm 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2445/TTr-SKHĐT-TH ngày 28/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2018 cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện (Có các biểu kế hoạch vốn chi tiết kèm theo).

**Điều 2.**

1. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết danh mục vốn ngân sách Trung ương sau khi có quyết định giao vốn chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết danh mục vốn Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg trong tháng 01/2018.

2. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thực hiện:

- Triển khai kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2018 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp) và báo cáo kết quả giao vốn về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/01/2018 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2018 cho các dự án phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 của huyện, thị xã.

- Việc phân bổ vốn năm 2018 phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB, trả nợ vay.

+ Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018.

+ Các công trình chuyên tiếp theo tiến độ được duyệt.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2018, đảm bảo thủ tục theo Luật Đầu tư công.

- Mức vốn kế hoạch năm 2018 của từng dự án không được vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020 còn lại của từng dự án.

- Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương cho các xã nông thôn mới về đích năm 2018.

- Bố trí vốn phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (các chủ đầu tư) chủ động gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước để thanh toán, tất toán các công trình, dự án đã được quyết toán còn nợ đọng. Khẩn trương thực hiện các thủ tục để đảm bảo các công trình được ghi kế hoạch khởi công mới phải được đấu thầu và khởi công chậm nhất trong 6 tháng đầu năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ: KH&ĐT, TC;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Huyện, Thị ủy, TT. HĐND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, (259Binh).



Nguyễn Văn Trâm

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**  
 (Kèm theo Quyết định số **3401** /QĐ- UBND ngày **28** tháng **12** năm 2017 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.189.570</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>2.189.570</b>	
<b>1.</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối</b>	<b>592.290</b>	
	<i>Trong đó:</i>		
	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	492.290	
	Vốn đầu tư từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017	100.000	
<b>2</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>1.099.280</b>	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Vốn tình quản lý	467.280	
-	Vốn phân cấp huyện, thị	632.000	
<b>3</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</b>	<b>438.000</b>	
<b>4</b>	<b>Nguồn vốn hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương</b>	<b>60.000</b>	

Biểu số 1

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 3401/QĐ- UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13		
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</b>		<b>3.372.556</b>	<b>2.523.505</b>	<b>4.537.850</b>	<b>1.336.423</b>	<b>2.189.570</b>	<b>592.290</b>	<b>1.099.280</b>	<b>438.000</b>	<b>60.000</b>	
<b>A</b>	<b>Trả nợ</b>				<b>661.250</b>	<b>306.950</b>	<b>172.000</b>	<b>172.000</b>				
-	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015				441.250	236.950	92.000	92.000				
-	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương				220.000	70.000	80.000	80.000				
<b>B</b>	<b>Vốn phân cấp huyện, thị</b>				<b>1.196.000</b>	<b>369.600</b>	<b>944.960</b>	<b>312.960</b>	<b>632.000</b>			
1	Thị xã Đông Xoài				121.000	36.120	181.900	36.480	145.420			
	Trong đó:											
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đông Xoài						100.000		100.000			
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của thị xã)						15.668	15.668				
2	Thị xã Bình Long				119.000	32.760	49.456	23.876	25.580			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						5.000	5.000				
3	Thị xã Phước Long				100.000	29.400	260.480	23.480	237.000			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của thị xã)						6.540	6.540				
4	Huyện Đông Phú				122.000	34.230	60.578	27.223	33.355			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						2.000	2.000				
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						5.500	5.500				
5	Huyện Bù Đăng				127.000	38.640	48.462	29.662	18.800			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						5.000	5.000				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	L.ý kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ cũn TP, Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
							8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						2.398	2.398				
6	Huyện Bù Gia Mập				99.000	33.600	37.836	26.448	11.388			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						3.000	3.000				
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						4.088	4.088				
7	Huyện Chơn Thành				96.000	32.970	80.391	29.147	51.244			
	Trong đó:											
-	Trong đó hỗ trợ đầu tư xây dựng 1km đường DT 751 từ ngã tư Chơn Thành đi Minh Long						20.000		20.000			
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						10.150	10.150				
8	Huyện Hớn Quản				93.000	32.970	41.214	28.035	13.179			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						3.000	3.000				
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						6.038	6.038				
9	Huyện Lộc Ninh				121.000	36.960	48.354	28.984	19.370			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						7.688	7.688				
10	Huyện Bù Đốp				98.000	30.450	41.035	26.035	15.000			
	Trong đó:											
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của tỉnh)						7.300	7.300				
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						1.190	1.190				
11	Huyện Phú Riềng				100.000	31.500	95.254	33.590	61.664			

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định: ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP, Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
	Trong đó :						-					
-	Trong đó hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện						50.000		50.000			
-	Xây dựng hạ tầng các xã NTM (từ nguồn 50% tăng thu cân đối năm 2018 so với dự toán điều chỉnh năm 2017 của huyện)						15.440	15.440				
C	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)						3.000			3.000		
D	Chuẩn bị đầu tư				270.000		16.000			16.000		
1	Kè và hệ thống đường, điện chiếu sáng hai bên suối Đồng Tiên và suối Tầm Vông				150.000		4.000			4.000		UBND TX Đồng Xoài
2	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng				80.000		3.000			3.000		UBND huyện Phú Riềng
3	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II				15.000		1.000			1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiko				15.000		1.000			1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài 3				10.000		1.000			1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kìa, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập						3.000			3.000		UBND huyện Bù Gia Mập
7	Nâng cấp đường ĐT.741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến vị trí tiếp giáp QL.14C						3.000			3.000		BQLDA Giao thông
E	Vốn thực hiện dự án		3.372.556	2.523.505	2.410.600	659.873	1.053.610	107.330	467.280	419.000	60.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2018		2.988.756	2.139.705	2.056.800	644.873	889.810	88.330	418.980	322.500	60.000	
I	Đối ứng dự án PPP		200.000	200.000	200.000	12.000	120.000		120.000			
1	Hỗ trợ dự án BOT Quốc lộ 13 (xây dựng đường tránh đoạn qua nội ô TT Lộc Ninh)		200.000	200.000	200.000	12.000	50.000		50.000			Công ty BOT QL 13
2	Ghi thu, ghi chi dự án BT hoàn thiện các tuyến đường khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài						70.000		70.000			Công ty CP bất động sản Thành Phương
II	Đối ứng các dự án ODA		25.000	25.000	25.000	9.304	5.000			5.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13	
I	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/07/2016	25.000	25.000	25.000	9.304	5.000			5.000			Sở KHĐT
III	<b>Nông nghiệp-nông thôn</b>		<b>450.091</b>	<b>266.550</b>	<b>239.900</b>	<b>104.406</b>	<b>143.100</b>	<b>4.500</b>	<b>53.600</b>	<b>85.000</b>		-	
I	Dự án bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015 Vườn QG Bù Gia Mập	2055/QĐ-UBND ngày 09/10/2012; 706/QĐ-UBND ngày 10/4/2015	118.140	32.175	4.500		4.500	4.500					Vườn QG Bù Gia Mập
2	Dự án trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCDC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng	2740/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	12.867	12.867	11.400	5.000	6.400		6.400				Hạt Kiểm lâm Bù Đốp
3	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2696/QĐ-UBND ngày 26/10/2016, 1448/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	25.508	20.508	18.000	5.000	10.000			10.000			Chi cục kiểm lâm
4	Hệ thống nội đồng hồ Đồng Xoài	1888/QĐ-UBND ngày 13/8/2010	59.746		2.000	500	1.500		1.500				Ban QLDA đầu xây dựng các công trình NN&PTNT
5	Hồ chứa nước Sơn Lợi	2635/QĐ-UBND ngày 24/11/2015	32.830		3.000	1.000	700		700				Ban QLDA đầu xây dựng các công trình NN&PTNT
6	Trà nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng nông thôn mới		201.000	201.000	201.000	92.906	75.000			75.000			Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh
7	Hỗ trợ xây dựng hạ tầng các xã NTM về đích năm 2018						45.000		45.000				UBND các huyện giao kế hoạch vốn chi tiết cho danh mục dự án đến từng chủ đầu tư
7.1	Huyện Lộc Ninh						10.800		10.800				
	Xã Lộc Tấn						5.400		5.400				
	Xã Lộc Thanh						5.400		5.400				
7.2	Huyện Bù Gia Mập						5.400		5.400				
	Xã Đa Kì						5.400		5.400				
7.3	Huyện Bù Đốp						4.800		4.800				
	Xã Tân Thành						4.800		4.800				
7.4	Huyện Bù Đăng						4.800		4.800				
	Xã Phú Sơn						4.800		4.800				
7.5	Huyện Hớn Quản						4.800		4.800				

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
	Xã An Khuong						4.800		4.800			
7.6	Huyện Đông Phú						4.800		4.800			
	Xã Tân Hòa						4.800		4.800			
7.7	Huyện Chơn Thành						4.800		4.800			
	Xã Minh Long						4.800		4.800			
7.8	Huyện Phú Riềng						4.800		4.800			
	Xã Long Hưng						4.800		4.800			
<b>IV</b>	<b>Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp</b>		<b>758.862</b>	<b>183.646</b>	<b>101.100</b>	<b>55.003</b>	<b>41.192</b>	<b>5.612</b>	<b>35.580</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đổi ứng NSTW)	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	101.509	20.000	12.503	5.612	5.612				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Dự án nôi dãi hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hàn Quốc	2351/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	9.830	9.830	8.800	5.000	3.800		3.800			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	1685/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	40.000	40.000	40.000	20.000	18.780		18.780			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Xây dựng các tuyến đường số 2, 3, 4, 5, 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài 1 (hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải)	2014a/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	32.307	32.307	32.300	17.500	13.000		13.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
<b>VI</b>	<b>Giao thông - vận tải &amp; Hạ tầng đô thị</b>		<b>583.535</b>	<b>558.535</b>	<b>604.000</b>	<b>165.660</b>	<b>222.000</b>	<b>30.000</b>	<b>145.000</b>	<b>47.000</b>	<b>-</b>	
1	GPMB đường Đông Phú-Bình Dương (phần diện tích ngoài hành lang 70 m)				121.000	60.000	30.000		30.000			Công ty ca su Bình Phước
2	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2748/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	72.949	72.949	72.000	20.000	44.000	30.000	14.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
3	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe đi trung tâm xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	2185/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	66.000	66.000	60.000	20.000	20.000		20.000			UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	2769/QĐ-UBND 31/10/2016	30.000	30.000	28.000	5.860	20.000		10.000	10.000		UBND huyện Hớn Quản
5	Xây dựng đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	2678/QĐ-UBND 26/10/2016	14.406	14.406	14.000	10.000	4.000			4.000		UBND huyện Phú Riềng



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó			Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XKST		
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
6	Lắp nhựa đường ALT1 từ đường Ngô Quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	3385/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	8.574	8.574	8.000	3.800	4.000			4.000		UBND TX Bình Long
7	Xây dựng đường liên xã Minh Thành đi An Long, huyện Chợ Thành	2398/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	25.000		25.000	10.000	14.000			14.000		UBND huyện Chợ Thành
8	Đường số 7(đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tính lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	2781/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	34.353	34.353	30.000	10.000	20.000		5.000	15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
9	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	320.000	320.000	235.000	21.000	60.000		60.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
10	Cầu Long Tân di Phú Riêng, huyện Phú Riêng	419/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 3014/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	12.253	12.253	11.000	5.000	6.000		6.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
VII	Giáo dục - Đào tạo		624.506	604.506	546.400	171.500	199.300	-	-	139.300	60.000	
1	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	2270/QĐ-UBND 24/10/2014	45.732	45.732	35.000	26.500	8.500			8.500		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	2795/QĐ-UBND 11/10/2013	67.318	67.318	52.000	22.200	15.000			15.000		UBND huyện Lộc Ninh
3	Trường Mầm non Bù Nho, xã Bù Nho, huyện Phú Riêng	2742/QĐ-UBND 28/10/2016	21729	21729	19.300	13.000	6.300			6.300		UBND huyện Phú Riêng
4	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	2637/QĐ-UBND 24/10/2016	20000	20000	18.000	5.000	10.000			10.000		UBND huyện Đồng Phú
5	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	2727/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	10.000	9.000	5.000	4.000			4.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	2780/QĐ-UBND 31/10/2016	19.978	19.978	18.000	12.000	6.000			6.000		UBND TX Bình Long

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã hỗ trợ đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13		
1	2											UBND huyện Hớn Quản
7	Trường TH Tân Khai A huyện Hớn Quản	2713/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	29.838	29.838	28.200	10.000	10.000			10.000		UBND huyện Lộc Ninh
8	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp huyện Lộc Ninh	2735/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	20.000	20.000	18.000	7.000	11.000			11.000		UBND huyện Bù Đốp
9	Trường Tiểu học Thiện Hưng C huyện Bù Đốp	2058/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	14.998	14.998	13.500	5.000	8.500			8.500		UBND huyện Bù Gia Mập
10	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	2655a/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	20.000	20.000	18.000	6.000	12.000			12.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
11	Trường THPT huyện Lộc Ninh	2709/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	59.925	59.925	54.000	13.000	16.000			16.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
12	Xây dựng trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	2708/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	44.991	44.991	40.400	10.000	16.000			16.000		UBND huyện Chơn Thành
13	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	2767/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	49.997	49.997	43.000	11.800	16.000			16.000		UBND huyện Đồng Phú
14	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú	2636/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	100.000	100.000	100.000	10.000	20.000				20.000	UBND huyện Bù Gia Mập
15	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	807/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	100.000	80.000	80.000	15.000	40.000				40.000	
<b>VIII</b>	<b>Văn hóa - xã hội</b>		<b>209.944</b>	<b>164.650</b>	<b>164.000</b>	<b>60.000</b>	<b>80.800</b>			<b>64.800</b>	<b>16.000</b>	
1	Bãi đầu xe, sân vườn và đường nội bộ khu di tích lịch sử Bộ Chỉ huy miền Tả Thiết	1671/QĐ-UBND ngày 6/7/2017	14.650	14.650	14.000	10.000	4.000			4.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	105.000	105.000	95.000	35.000	45.800			45.800		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
3	Xây dựng hàng rào dự án khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tả Thiết	2416/QĐ-UBND ngày 21/9/2016	45.000	45.000	45.000	15.000	30.000		15.000	15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Bồi thường GPMB, TĐC phục vụ xây dựng khu bảo tồn văn hóa dân tộc STiêng Soc Bom Bo	1747/QĐ-UBND ngày 27/7/2011	45.294		10.000		1.000			1.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
IX	Khoa học-công nghệ		56.800	56.800	52.200	22.000	20.200	-	-	20.200	-	
1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	2470/QĐ-UBND ngày 06/11/2015; 2776/QĐ-UBND ngày 8/12/2015	21.800	21.800	19.000	12.000	7.000			7.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	2148/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	15.000	15.000	13.200	9.000	4.200			4.200		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	2772/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	20.000	20.000	20.000	1.000	9.000			9.000		Văn phòng tỉnh ủy
X	Quốc Phòng-An Ninh		80.018	80.018	40.000	10.000	20.000	10.000	-	10.000	-	
1	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ		32.000	32.000	20.000	5.000	10.000	10.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	2725/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.018	48.018	20.000	5.000	10.000			10.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
XI	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)				37.500	15.000	7.500	7.500				Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã
XII	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản DBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg				46.700	20.000	10.000	10.000				Giao Sở KHĐT chủ trì, phối hợp với Ban dân tộc tham mưu phân bổ chi tiết
XIII	Tất toán các công trình đã quyết toán						20.718	20.718				Có danh mục chi tiết kèm theo
	Dự án khởi công mới năm 2018		383.800	383.800	353.800	15.000	163.800	19.000	48.300	96.500	-	
I	Hạ tầng khu công nghiệp		89.000	89.000	80.000	-	34.000	-	-	34.000	-	

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT				Tổng cộng	Trong đó				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSDP				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
I	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đông Xoài I	1071/QĐ-UBND ngày 29/5/2015	89.000	89.000	80.000		34.000			34.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
II	<b>Giao thông - vận tải</b>		<b>103.500</b>	<b>103.500</b>	<b>94.000</b>	<b>2.000</b>	<b>49.000</b>	<b>19.000</b>	<b>30.000</b>	-	-	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đông Phú đến KCN Bắc Đông Phú	2925/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	10.000	10.000	10.000		9.000	9.000				UBND huyện Đông Phú
2	Đường vào Thác Dứng, xã Đoàn kết, huyện Bù Đăng.	2316/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	13.500	13.500	12.000		10.000	10.000				UBND huyện Bù Đăng
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	80.000	80.000	72.000	2.000	30.000		30.000			UBND TX Bình Long
III	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>		<b>82.000</b>	<b>82.000</b>	<b>73.500</b>	<b>10.000</b>	<b>44.500</b>	-	-	<b>44.500</b>	-	
1	Trường mẫu giáo Phước Tín TX. Phước Long	2767/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	22.000	22.000	20.000	5.000	15.000			15.000		UBND TX Phước Long
2	Trường mẫu giáo Đức Liễu, huyện Bù Đăng	2833/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	20.000	5.000	15.000			15.000		UBND huyện Bù Đăng
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Thanh Bình, huyện Hớn Quản	311/QĐ-UBND ngày 24/3/2016	20.000	20.000	13.500		6.500			6.500		UBND huyện Hớn Quản
4	Trường MN Hòa Mi, TX Đông Xoài (GD2)	2827/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	20.000	20.000	20.000		8.000			8.000		UBND TX Đông Xoài
IV	<b>Văn hóa - xã hội</b>		<b>66.000</b>	<b>66.000</b>	<b>66.000</b>	-	<b>18.000</b>	-	-	<b>18.000</b>	-	
1	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	2795/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	22.000	22.000	22.000		6.000			6.000		UBND huyện Chơn Thành
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Phú Riềng	2821/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	22.000	22.000	22.000		6.000			6.000		UBND huyện Phú Riềng
3	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Đông Phú	2810/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	22.000	22.000	22.000		6.000			6.000		UBND huyện Đông Phú
V	<b>Quốc phòng - An Ninh</b>		<b>43.300</b>	<b>43.300</b>	<b>40.300</b>	<b>3.000</b>	<b>18.300</b>	-	<b>18.300</b>	-	-	
1	Xây dựng trụ sở đội PCCC và CNCH huyện Lộc Ninh	2843/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	28.000	28.000	25.000	3.000	8.000		8.000			Công an tỉnh
2	Xây dựng các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	2844/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.300	15.300	15.300		10.300		10.300			Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh

**PHỤ LỤC 1.1**  
**KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2018 TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN**  
*(Kèm theo Quyết định số 3401/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư
1.	2.	3.	4.	5.
	<b>Tổng cộng</b>		<b>20.718</b>	
<b>I</b>	<b>NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN</b>		<b>1.211</b>	
1	Xây dựng Hồ chứa nước Hoa Mai, xã Bù Gia Mập, huyện Phước Long	1872/QĐ-UBND ngày 01/08/2017	40	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập
2	Hệ thống thủy lợi Tà Thiết phục vụ tái định cư Dự án thủy lợi Phước Hòa	2529/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	307	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
3	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	1560/QĐ-UBND ngày 26/06/2017	69	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
4	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng	1453/QĐ-UBND ngày 14/06/2017	41	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
5	Tiểu dự án cấp nước sinh hoạt và thủy lợi hồ Rừng Cấm	1823/QĐ-UBND, 06/9/2005	88	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
6	Nâng cấp đường giao thông Minh Lập - Tân Khai	1866/QĐ-UBND, 07/9/2005	73	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
7	Sửa chữa, nâng cấp đường và nhà quản lý Đập Tổng Lê Châm và đập Cần Lê	1824/QĐ-UBND, 06/9/2005	8	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hưng Phước	123/QĐ-STC, 14/8/2013	316	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
9	Cấp nước SHTT xã Bù Nho, huyện Bù Gia Mập	137/QĐ-STC, 16/11/2016	4	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
10	Sửa chữa, nâng cấp công trình CNSHTT xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	140/QĐ-STC, 16/11/2016	8	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
11	Sửa chữa, nâng cấp công trình CNSHTT xã Nha Bích, huyện Chơn Thành	136/QĐ-STC, 16/11/2016	7	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
12	Cấp nước SHTT xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	605/QĐ-UBND, 22/3/2017	1	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
13	Cấp nước SHTT xã Nha Bích, huyện Chơn Thành	632/QĐ-UBND, 22/3/2017	14	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
14	Cấp nước SHTT xã Tân Khai, huyện Chơn Thành	2266/QĐ-UBND, 15/9/2017	63	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
15	Đào mới và cải tạo, nâng cấp giếng đào xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	158/QĐ-STC, 26/12/2016	2	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
16	Cải tạo, nâng cấp giếng đào sóc 5, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	157/QĐ-STC, 26/10/2016	2	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
17	Sửa chữa lớn công trình Cấp nước SHTT xã Bom Bo, huyện Bù Đăng	37/QĐ-STC, 27/3/2017	20	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
18	Sửa chữa lớn công trình Cấp nước SHTT xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú	857/QĐ-UBND, 12/4/2017	23	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
19	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	2427/QĐ-UBND, 28/9/2017	10	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
20	Cấp nước sinh hoạt áp Pa Pếch, xã Tân Hưng	55/QĐ-STC, 15/5/2017	12	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
21	Cấp nước SHTT Tiểu đoàn huấn luyện kết hợp với làng dân quân Bộ đội Biên phòng tỉnh BP	1468/QĐ-UBND, 16/6/2017	32	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
22	Nạo vét lòng hồ và cống xả đáy công trình thủy lợi Bù Môn, huyện Bù Đăng	54/QĐ-STC, 15/5/2017	62	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
23	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại công trình hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập	166/QĐ-STC, 30/12/2016	4	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
24	Đào mới và cải tạo, nâng cấp giếng đào xã Thanh An	159/QĐ-STC, 26/12/2016	5	BAN QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
<b>II</b>	<b>Y TẾ</b>		<b>438</b>	
1	Trung tâm y tế thị xã Đồng Xoài	1710/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	136	UBND thị xã Đồng Xoài

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập	2087/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	302	UBND huyện Bù Gia Mập
<b>III</b>	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>		<b>5.142</b>	
1	Xây dựng khối nhà học thuộc Trường Chính trị	1603/QĐ-UBND ngày 29/06/2017	323	Trường Chính trị tỉnh
2	Trường THPT Trần Phú, thị xã Bình Long	1602/QĐ-UBND ngày 29/06/2017	1.569	Sở GD&ĐT
3	12 phòng học, hạ tầng kỹ thuật trường Trung học phổ thông Nguyễn Du, thị xã Đồng Xoài	2272/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	109	Sở GD&ĐT
4	Đầu tư trang thiết bị phòng học, phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	2091/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	981	Sở GD&ĐT
5	Xây dựng 04 phòng Tiểu học, sửa chữa 2 phòng mầm non và các hạng mục phụ trợ Trường Đa Bông Cua, xã Thống Nhất	2099/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	292	UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đăng	2922/QĐ-UBND ngày 7/11/2017	1.868	Sở GD&ĐT
<b>IV</b>	<b>Giao thông - vận tải &amp; Hạ tầng đô thị</b>		<b>8.657</b>	
1	Đường từ ngã ba Cây Điệp đến sông Mã Đà phục vụ cứu hộ, cứu nạn các xã phía Đông, huyện Đồng Phú (chuẩn bị đầu tư)	2196/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	669	Ban QLDA đầu tư các công trình giao thông
2	Nâng cấp, láng nhựa một số tuyến đường khu trung tâm hành chính tỉnh	2137/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	46	Ban QLDA đầu tư các công trình giao thông
3	Đường cấp lối mở Lộc Tấn - Tuấn Lung, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	109/QĐ-STC, 17/10/2016	22	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Đường điện vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	77/QĐ-STC, 26/6/2017	66	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Xây dựng đường từ Trung tâm xã đến cụm 2 nông trường cao su Tân Lợi, xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài	2167/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	125	UBND thị xã Đồng Xoài
6	Nâng cấp láng nhựa đường liên xã Tiến Hưng - Tiến Thành thị xã Đồng Xoài	1081/QĐ-UBND ngày 28/4/2011	171	UBND thị xã Đồng Xoài
7	Láng nhựa đường vào bãi rác xã Tiến Hưng	477/QĐ-UBND ngày 13/3/2011	9	UBND thị xã Đồng Xoài
8	Láng nhựa đường GT Tân Đồng - Tân Xuân	1249/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	59	UBND thị xã Đồng Xoài
9	Đường giao thông liên xã Lộc An đi Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh	2669/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	6.601	UBND huyện Lộc Ninh
10	Đường từ QL14 đi xã Tân Quan, huyện Chơn Thành	1016/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	685	UBND huyện Chơn Thành
11	Đường vào trung tâm xã Đường 10	246/QĐ-UBND ngày 23/1/2014	25	UBND huyện Bù Đăng
12	Đường vào trung tâm xã Nghĩa Bình	1728/QĐ-UBND ngày 13/8/2014	3	UBND huyện Bù Đăng
13	Đường vào trung tâm xã Bình Minh	483/QĐ-UBND ngày 13/3/2012	176	UBND huyện Bù Đăng
<b>V</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>		<b>42</b>	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5
1	Khán đài B - Sân vận động tỉnh	1012/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	42	Sở VH TT&DL
<b>VI</b>	<b>QLNN</b>		<b>3.406</b>	
1	Trụ sở HĐND-UBND huyện Bù Gia Mập	2720/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	2.970	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Xây dựng trụ sở huyện ủy Hớn Quản	1893/QĐ-UBND ngày 20/7/2017	436	UBND huyện Hớn Quản
<b>VII</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>		<b>1.822</b>	
1	Nhà làm việc khu căn cứ hậu cần kỹ thuật Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	16/QĐ-STC ngày 01/03/2017	826	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Hệ thống cấp nước sạch cho Tiểu đoàn bộ binh 2008	223/QĐ-UBND ngày 24/01/2017	169	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Tường rào khu xử lý bom mìn tại trường bắn, thao trường huấn luyện tổng hợp của LLVT tỉnh Bình Phước	1711/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	827	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh